

Bản án số: 07/2022/DS-ST
Ngày: 10/3/2022
V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mai Văn Thuận**

Ông **Hồ Sỹ Hoài**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 380/2020/TLST-DS ngày 19/10/2020 về việc “***Tranh chấp chia tài sản chung***”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST-DS ngày 24/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QDST-DS ngày 19/01/2022, Thông báo dời ngày xét xử ngày 21/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QDST-DS ngày 21/02/2022 giữa các đương sự sau:

- Nguyên đơn: Ông **Bùi Thanh C** – sinh năm 1969

Địa chỉ: 160/3 đường N, phường H, thành phố T

Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Phan Tấn H**
– Văn phòng Luật sư Phan Tấn H – Đoàn Luật sư tỉnh H.

Có mặt

- Bị đơn: Ông **Bùi Thanh L** - sinh năm 1975

Địa chỉ: 160/3 đường N, phường H, thành phố T

Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Bùi Thanh P** – sinh năm 1966

HKTT: 160/3 đường N, phường H, thành phố T

Vắng mặt

2/ Bà **Bùi Thị Thanh B** – sinh năm 1976

Địa chỉ: 59A đường C, phường T, thành phố T

Có mặt

3/ Bà **Bùi Thị Thanh A** – sinh năm 1980

Địa chỉ: 73 đường Đ, phường H, thành phố T

Vắng mặt

4/ Ông **Bùi Thanh T** – sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh T

Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của ông Bùi Thanh P, bà Bùi Thị Thanh B, bà Bùi Thị Thanh A, ông Bùi Thanh T là ông Bùi Thanh C – đại diện theo ủy quyền.

Ông C có mặt

- *Người làm chứng:* Ông **Võ Quốc D** – sinh năm 1963

Địa chỉ: 160/2A đường N, phường H, thành phố T

Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn - ông Bùi Thanh C trình bày:*

Cha mẹ tôi là ông Bùi D (chết năm 1983) và bà Phạm Thị L (chết năm 1997) lúc sinh thời có tạo lập được khối tài sản là nhà đất tại 160/3 đường N, phường H, thành phố T. Thửa đất có diện tích hơn 60m², trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích hơn 50m². Nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở. Cha mẹ tôi chết không để lại di chúc. Cha mẹ tôi có 07 người con là: Bùi Thanh P (tên thường gọi là Bùi Thanh T) sinh năm 1966, Bùi Thanh C sinh năm 1969, Bùi Thanh L sinh năm 1975, Bùi Thị Thanh B sinh năm 1976, Bùi Thị Thanh A sinh năm 1980, Bùi Thanh T sinh năm 1984 và Bùi Thanh H chết năm 2016 (không có vợ con). Ngoài ra cha mẹ tôi không có con riêng con nuôi nào cả. Cha mẹ của ông Bùi D và bà Phạm Thị L chết từ rất lâu, chết trước ông D và bà L. Vì thời gian đã quá lâu, chúng tôi không có giấy chứng tử.

Cha mẹ tôi và các anh em tôi sống tại căn nhà 160/3 đường N, phường H, thành phố T cho đến khi cha mẹ mất, các anh em khác của tôi lần lượt có gia đình và ra ở riêng. Bùi Thanh L ra sống ở ngoài từ hơn 20 năm trước. Đến khoảng năm 2017 (sau khi Bùi Thanh H chết) thì L mới chuyển về nhà 160/3 đường N, phường H, thành phố T sống. Trong nhà lúc đó có tôi và anh Bùi Thanh P cùng sống. Tuy nhiên L ngày càng ngược đãi bức xúc phạm chúng tôi, thường xuyên đuổi tôi và anh P ra khỏi nhà. Đến năm 2018 anh Bùi Thanh P đi tu nên đến chùa ở. Tôi ở nhà đó sống không được. Tôi luôn nhường nhịn nhưng Bùi Thanh L ngày càng quá đáng, quăng đồ đạc tôi ra đường nên năm 2018 tôi phải dọn ra ngoài sống. Sau đó các em của tôi

là B, A, T về nhà thì L cũng không cho vô nhà. Từ đó đến nay L không cho ai vô nhà hết. Ai về L cũng gây chuyện đuổi mọi người đi.

Vì vậy tôi yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại là nhà đất tại 160/3 đường N, phường H, thành phố T có diện tích khoảng hơn 60m² (trên đất có căn nhà cấp 4) cho tôi và các đồng thừa kế khác là Bùi Thanh P, Bùi Thanh L, Bùi Thị Thanh B, Bùi Thị Thanh A và Bùi Thanh T theo pháp luật. Hiện nay L chiếm luôn nhà nên tôi để cho L ở và L phải thanh toán lại giá trị nhà đất bằng tiền theo giá tại biên bản định giá ngày 11/5/2021 cho tôi và các anh em khác.

Về số tiền đo vẽ định giá, tôi xin chịu.

** Đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Thanh P, bà Bùi Thị Thanh B, bà Bùi Thị Thanh A, ông Bùi Thanh T - ông Bùi Thanh C trình bày:*

Ông Bùi Thanh P, bà Bùi Thị Thanh B, bà Bùi Thị Thanh A, ông Bùi Thanh T thống nhất với lời khai của nguyên đơn. Đồng ý với yêu cầu chia thừa kế là nhà đất tại 160/3 đường N, phường H, thành phố T. Đồng ý để ông Bùi Thanh L nhận phần di sản được hưởng bằng hiện vật và thanh toán tiền theo giá tại biên bản định giá ngày 11/5/2021 lại cho các đồng thừa kế khác.

** Người làm chứng ông Võ Quốc D trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2021:* Tôi có biết việc cha mẹ tôi là ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng đất cho ông Bùi D và bà Phạm Thị L. Năm 2018 ông Bùi Thanh C đến gặp tôi nói là toàn bộ giấy tờ chuyển nhượng nhà đất 160/3 đường N, phường H, thành phố T đã bị mất và hỏi tôi có còn giữ bản nào không thì tôi không giữ bản nào cả. Lúc này cha mẹ tôi cũng đã mất nhưng tôi là nhân chứng sống, có biết việc cha mẹ ông C nhận chuyển nhượng đất của cha mẹ tôi nên tôi viết giấy xác nhận mua bán đất ngày 21/10/2018.

Tại phiên tòa Luật sư Phan Tấn H trình bày: đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế là nhà đất tại 160/3 đường N, phường H, thành phố T cho các thừa kế của cụ Bùi D và cụ Phạm Thị L là ông Bùi Thanh C, ông Bùi Thanh P, bà Bùi Thị Thanh B, bà Bùi Thị Thanh A, ông Bùi Thanh T và ông Bùi Thanh L. Giao hiện vật cho ông L và ông L có trách nhiệm thanh toán tiền cho các đồng thừa kế khác.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T đã nêu: Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự và đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc ông Bùi Thanh C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình thụ lý vụ án, ban đầu ngày 25/8/2020 ông Bùi Thanh C nộp đơn khởi kiện về việc tranh chấp chia thừa kế, ngày 19/10/2020 ông Châu nộp đơn khởi kiện bổ sung về việc tranh chấp chia tài sản chung. Tòa án nhân dân thành phố T đã thụ lý vụ án “Tranh chấp chia tài sản chung”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C nộp đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là tranh chấp di sản thừa kế. Hội đồng xét xử xét thấy, cha mẹ ông Bùi Thanh C là cụ Bùi D (chết năm 1983) và cụ Phạm Thị L (chết năm 1997). Theo quy định tại Điều 623 của Bộ Luật Dân sự 2015 thì phần di sản để lại của cụ L vẫn còn trong thời hiệu chia thừa kế. Cụ Bùi D chết năm 1983, tức là chết trước ngày công bố Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990 và tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm, bộ luật Dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là ngày công bố Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990. Ông Bùi Thanh C nộp đơn khởi kiện ngày 25/8/2020, như vậy vẫn còn thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn ông Bùi Thanh C (áp dụng Án lệ số 26/2018/AL).

Bị đơn ông Bùi Thanh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh C về việc chia di sản thừa kế của cụ Bùi D và cụ Phạm Thị L để lại là nhà đất tại địa chỉ 160/3 đường N, phường H, thành phố T.

2.1.

Nhà đất tại địa chỉ 160/3 đường N, phường H, thành phố T có nguồn gốc do cụ Bùi D và cụ Phạm Thị L nhận chuyển nhượng của cụ Võ Văn C và cụ Nguyễn Thị L (có giấy xác nhận mua bán đất của ông Võ Quốc D – con của cụ Võ Văn C và cụ Nguyễn Thị L). Việc cụ Bùi D và cụ Phạm Thị L quản lý sử dụng thửa đất này còn được thể hiện trong Phiếu điều tra cơ bản đất của Ty Quản lý nhà đất lập năm 1978, Phiếu tổng kiểm tra về sở hữu và sử dụng nhà, đất tại thành phố T của Ủy ban nhân dân tỉnh K năm 1984. Theo trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân phường H – thành phố T thì nhà đất 160/3 đường N, phường H, thành phố T ngoài tranh chấp về thừa kế giữa anh em ông C thì không có tranh chấp với ai khác. Vì vậy, xác định nhà đất tại địa chỉ 160/3 đường N, phường H, thành phố T là di sản thừa kế do cụ Bùi D và cụ Phạm Thị L để lại.

2.2. Cụ Bùi D và cụ Phạm Thị L chết. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của cụ D và cụ L gồm các con của cụ D và cụ L là Bùi Thanh P (tên thường gọi là Bùi Thanh T) sinh năm 1966, Bùi Thanh C sinh năm 1969, Bùi Thanh L sinh năm 1975, Bùi Thị Thanh B sinh năm 1976, Bùi Thị Thanh A sinh năm 1980, Bùi Thanh T sinh năm 1984 và Bùi Thanh H chết năm 2016 (không có vợ con). Các ông bà Bùi Thanh C, Bùi Thanh P, Bùi Thị Thanh B, Bùi Thị Thanh A, Bùi Thanh T đều thống nhất là cha mẹ cụ D và cụ L đều chết trước cụ D và cụ L và cụ D, cụ L không có con riêng, con nuôi nào khác.

2.3. Cụ Bùi D và cụ Phạm Thị L chết làm phát sinh quyền thừa kế đối với di sản cụ D và cụ L để lại là nhà đất tại 160/3 đường N, phường H, thành phố T. Thửa đất có diện tích 60,6m², trên đất có căn nhà cấp 4 tường gạch mái tôn diện tích 55m².

Cụ thể:

- Phần đất có diện tích 60,6m² có giá trị là 1.212.000.000 đồng. (1)

- Phần giá trị của căn nhà cấp 4 tường gạch mái tôn diện tích 55m² có giá trị là 57.057.000 đồng. (2)

(1) + (2) = 1.269.057.000 đồng

Các ông bà Bùi Thanh C, Bùi Thanh P, Bùi Thị Thanh B, Bùi Thị Thanh A, Bùi Thanh T và Bùi Thanh L mỗi người được hưởng 1/6 diện tích nhà đất nêu trên. Tuy nhiên diện tích nhà đất này không đủ điều kiện để chia hiện vật nên các ông bà Bùi Thanh C, Bùi Thanh P, Bùi Thị Thanh B, Bùi Thị Thanh A, Bùi Thanh T có ý kiến đề ông Bùi Thanh L nhận hiện vật và thanh toán tiền lại cho các đồng thừa kế. Số tiền mỗi thừa kế được nhận là 211.509.500 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, toàn bộ nhà đất 160/3 đường N, phường H, thành phố T hiện nay ông L đang quản lý sử dụng nên để ông L nhận hiện vật và thanh toán tiền lại cho các đồng thừa kế khác là hợp lý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Thanh C.

Ông Bùi Thanh L được sở hữu toàn bộ nhà đất tại địa chỉ 160/3 đường N, phường H, thành phố T (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) và thanh toán tiền lại cho ông Bùi Thanh C, ông Bùi Thanh P, bà Bùi Thị Thanh B, bà Bùi Thị Thanh A, ông Bùi Thanh T mỗi người 211.509.500 đồng (*hai trăm mười một triệu năm trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng*)

Đối với chi phí thẩm định, đo vẽ, định giá nguyên đơn ông Bùi Thanh C tự nguyện chịu khoản này và đã thanh toán xong.

Về án phí: Ông Bùi Thanh C, ông Bùi Thanh P, bà Bùi Thị Thanh B, bà Bùi Thị Thanh A, ông Bùi Thanh T và ông Bùi Thanh L mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền được nhận là 10.575.000 đồng (*mười triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 623, Điều 649, Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Án lệ số 26/2018/AL;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Bùi Thanh L được sở hữu toàn bộ nhà đất tại địa chỉ 160/3 đường N, phường H, thành phố T (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông Bùi Thanh L có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Bùi Thanh C, ông Bùi Thanh P, bà Bùi Thị Thanh B, bà Bùi Thị Thanh A, ông Bùi Thanh T mỗi người 211.509.500 đồng (*hai trăm mười một triệu năm trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng*)

2/ Về án phí:

Ông Bùi Thanh C, ông Bùi Thanh P, bà Bùi Thị Thanh B, bà Bùi Thị Thanh A, ông Bùi Thanh T và ông Bùi Thanh L mỗi người phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 10.575.000 đồng (*mười triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Tuy nhiên, ông Bùi Thanh C đã nộp 1.667.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0017575 ngày 19/10/2020 của chi cục thi hành án Dân sự thành phố T. Như vậy, ông Bùi Thanh C chỉ phải nộp thêm 8.908.000 đồng (*tám triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng*)

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. T;
- Dương sự;
- THADS Tp T;
- TAND tỉnh H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Dương Thị Phương Dung